

Vào ngày 23 và 24 tháng 8 năm 2001, tại Thành phố Vũng Tàu đã diễn ra Hội thảo khoa học với chủ đề: "KINH TẾ TRANG TRẠI SAU MỘT NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03/NQ - CP".

Đây là cuộc hội thảo của các trường đại học thuộc khối kinh tế toàn quốc, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chủ trì cuộc Hội thảo này. Trên 40 tham luận của các nhà khoa học ở các trường, viện và địa phương trong cả nước đã được in trong Kỷ yếu, trong đó 22 bài tham luận được trình bày trong Hội thảo. Ban tổ chức Hội thảo có một Báo cáo đề dẫn và một Báo cáo tổng kết Hội thảo.

Tạp chí Phát triển Kinh tế xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả Báo cáo đề dẫn của PGS. Đào Công Tiến, tham luận của Phó Vụ trưởng Vụ kinh tế phía Nam Trần Trác, Báo cáo tổng kết của GS. TS. Nguyễn Thanh Tuyền.

Sự hình thành và phát triển kinh tế trang trại (KTĐT) trong nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn nước ta thực sự là vấn đề có sức cuốn hút sự quan tâm của đảng, nhà nước và giới nghiên cứu. Có được sự quan tâm đó vì hai lẽ chính là:

1. Cũng như khoán hộ (khoán 100) rồi khoán gọn (khoán 10), sự ra đời và phát triển KTĐT diễn ra trên thực tế nhanh, mạnh mẽ quá khiến chúng ta cảm nhận và kỳ vọng về một sự tốt đẹp.

Cảm nhận nó mở ra con đường phát triển, vươn lên giàu có cho nông dân, nông nghiệp, nông thôn.

Kỳ vọng nó sẽ là đầu tàu kinh tế lôi kéo trên 10 triệu nông hộ vượt nghèo, vươn lên giàu có; là nhân tố hết sức quan trọng thúc đẩy tiến trình chuyển kinh tế hộ từ dạng hình tiểu nông - sản xuất tự túc tự cấp lên trang trại sản xuất hàng hóa vốn là nhân tố không thể thiếu được để thúc đẩy CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn, mà thực chất là HĐH nông nghiệp, văn minh hóa nông thôn, tri thức hóa nông thôn.

2. Và cũng giống như khoán hộ (khoán 100, khoán 10), KTĐT ra đời và phát triển cũng làm nảy sinh không ít những nhận thức, tâm lý, tư tưởng và hành động thiếu nhất quán. Sự thiếu nhất quán đó thực sự là những chướng ngại cho sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn nói chung và của KTĐT nói riêng - nhân tố mới vốn hình thành và phát triển từ thực tiễn cuộc sống.

Y thức được trách nhiệm của mình, nhiều tổ chức và cá nhân các nhà khoa học, cán bộ quản lý, trong đó có các đại học và đội ngũ cán bộ khoa học, suốt trong thập niên 90, nhất là vào những năm cuối, đã triển khai nhiều công trình nghiên cứu về KTĐT với ý tưởng cung cấp những luận cứ khoa học để nhận dạng đúng vấn đề, đề xuất chính sách và giải pháp tổng thể tương thích để xử lý đúng vấn đề. Không thể nào liệt kê hết những công trình nghiên cứu đó, chỉ xin đơn cử một số công trình để minh chứng như sau:

1. Những nghiên cứu tương đối sớm về kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại trong và ngoài nước của GS.VS Đào Thế Tuấn, của Trần Đức, của Hoàng Hải và Hội khoa học kinh tế VN...cung cấp những cơ sở lý luận và lý thuyết phát triển để cùng suy nghĩ về một thực tế đã và đang diễn ra ở VN.

NGHIÊN CỨU KINH TẾ TRANG TRẠI VỚI NGHỊ QUYẾT 03/2000/NQ - CP

PGS. ĐÀO CÔNG TIẾN

2. Giới nghiên cứu ở khu vực Nam bộ và Tây Nguyên với những khảo sát và nghiên cứu nhanh đã mở hội thảo khoa học về KTĐT tại Bình Thuận và rút ra những kết luận có tính đánh động (tháng 4.1998).

3. Hội nghị nghiên cứu KTĐT trên phạm vi cả nước đã được Ban kinh tế trung ương chủ trì tổ chức tại thị xã Thủ Dầu Một - Bình Dương (tháng 7.1998). Hội nghị đã có tiếng nói chung hướng mạnh về mặt tích cực của KTĐT và những chính sách giải pháp tổng thể cần có vì sự phát triển của KTĐT.

4. Một công trình nghiên cứu khá lớn trên diện rộng cả nước về KTĐT được chính phủ trực tiếp giao cho ĐHKH quốc dân Hà Nội thực hiện trong năm 1999. Kết quả nghiên cứu đã cho chúng ta cảm nhận một thực tiễn khá đầy đủ và sinh động của KTĐT VN và đề xuất những chính sách, giải pháp tổng thể vì sự phát triển của KTĐT. Cũng trong thời gian đó KTĐT ở Nam bộ được trường ĐHKH TP.HCM nghiên cứu với sự

phát hiện vai trò quan trọng nhất của sự hình thành và phát triển KTĐT không phải là diện tích đất, mà là vốn, khoa học - công nghệ và khả năng điều hành kinh doanh của chủ trang trại. Điều đó dẫn chúng ta đến một cảm nhận là KTĐT cần thiết và hoàn toàn có khả năng phát triển lớn mạnh ngay trên những vùng nông nghiệp đất ít người đồng bằng thâm dụng kỹ thuật và lao động nhiều hơn - như đồng bằng sông Cửu Long. Những công trình nghiên cứu, tổng kết này có đóng góp đáng kể vào sự hình thành chủ trương chính sách của chính phủ đối với KTĐT vào đầu năm 2000.

5. Một tập hợp công trình với 16 văn bản của đảng và nhà nước có liên quan đến KTĐT và trên 140 bài viết từ những nghiên cứu của rất nhiều nhà khoa học, nhà quản lý trên cả nước có tên gọi "Tư liệu về KTĐT" đã được Nhà xuất bản TP.HCM ấn hành trong năm 1999 - 2000, đã cung cấp

tư liệu quý giá và cổ vũ KTĐT phát triển.

Với sự thúc bách từ thực tiễn cuộc sống, từ những kết quả nghiên cứu có sức thuyết phục, đầu năm 2000 cùng với việc ban hành Luật doanh nghiệp làm nức lòng giới kinh doanh, chính phủ đã ra Nghị quyết 03/2000/NĐ - CP ngày 2.2.2000 về KTĐT.

Nghị quyết 03/CP cùng các văn bản hướng dẫn của các bộ ngành hữu quan (Bộ NN & PTNT, Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ LĐ - TBXH, Tổng cục thống kê ...) đã có những khẳng định có thể tạo được cơ sở cho sự nhất quán về nhận thức và hành động đối với KTĐT và đề ra những chính sách, giải pháp tổng thể có tính tháo gỡ những ách tắc, khai thông chúng để phát triển KTĐT. Có thể đơn cử một số nét chính như sau:

1. KTĐT là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý góp phần phát triển nông nghiệp

bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất hình thành các trang trại, gắn với chuyển dịch kinh tế, phân công lại lao động, phân bố lại dân cư, thúc đẩy CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ KTTT, thực hiện nhất quán chính sách phát huy kinh tế tự chủ của hộ gia đình và khuyến khích gắn với hợp tác và liên kết kinh tế.

2. Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định lâu dài để phát triển KTTT. Đặc biệt khuyến khích khai thác sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc, đất còn hoang hóa. Đối với vùng ít đất, khuyến khích phát triển trang trại sử dụng ít đất, nhiều lao động, thâm canh cao.

3. Nhà nước hỗ trợ về vốn, khoa học - công nghệ, chế biến tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cơ sở hạ tầng để KTTT phát triển bền vững.

4. Chủ trang trại được thuê lao động không giới hạn về số lượng. Chủ trại được ưu tiên vay vốn thuộc chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo để tạo việc làm cho lao động. Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề.

5. Nhà nước đầu tư và khuyến khích các chủ trang trại góp vốn vào quỹ hỗ trợ phát triển nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ, cung cấp thông tin thị trường, khuyến cáo kỹ thuật để áp dụng trang trại và làm dịch vụ thuật cho kinh tế hộ nông dân.

6. Các chủ trang trại được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi sản xuất kinh doanh chưa ổn định, giá trị hàng hóa và lợi nhuận chưa nhiều.

Có thể nói Nghị quyết 03/CP của chính phủ đã đặt cái mốc từ tự phát sang tự giác bởi vai trò của nhà nước trong sự hình thành và phát triển KTTT ở VN - như tác động chỉ thị 100 của khoán hộ, Nghị quyết 10, Luật đất đai đối với kinh tế hộ nông dân - đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn trước đây.

Chỉ mới hơn một năm, thời gian đó chưa nhiều đối với việc triển khai thực hiện nghị quyết và đặc biệt là việc nhìn nhận tác dụng của nghị quyết đối với đời sống KTTT sau hơn một năm thực hiện nghị quyết. Để có một sự nhìn nhận khách quan cũng cần phải có nghiên cứu của giới khoa học và quản lý. Những gì trình bày và trao đổi ở hội thảo này không ngoài mục tiêu và bối cảnh đó.

Trên tinh thần đó, ban tổ chức hội thảo xin đề nghị các nhà khoa học, các nhà quản lý, các chủ trang trại có mặt ở đây, đi sâu trao đổi các vấn đề chính sau đây:

1. Nghị quyết 03/CP - cơ sở lý luận và thực tiễn của nó: Phải chăng

sự gắn kết lý thuyết kinh tế nông hộ bền vững với cơ sở lý luận và thực tiễn của sự hình thành và phát triển kinh tế nông hộ tự chủ ở nông thôn trong đổi mới ở VN là sự ra đời và phát triển của KTTT trong môi trường tâm lý tư tưởng, thể chế chính sách không ít khó khăn, nhưng đầy sức sống? Đó là sự tiếp cận chân lý từ thực tiễn cuộc sống.

2. Sự quán triệt và tổ chức thực hiện, đưa Nghị quyết 03/CP vào cuộc sống: Phải chăng Nghị quyết đã được triển khai để quán triệt và tổ chức thực hiện khá nghiêm túc, nhưng thiếu sâu rộng? Có địa phương không triển khai, nhiều chủ trang trại không biết Nghị quyết 03/CP. Có vấn đề đã nêu trong nghị quyết nhưng không được hướng dẫn trong thông tư của bộ ngành hữu quan, không có sự chuyển biến cần thiết ở người trực tiếp thực hiện (như chính sách thuế, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất).

3. Tiếp tục nhận dạng KTTT với tinh thần Nghị quyết 03/CP và những thay đổi trong đời sống KTTT sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết: KTTT vẫn tiếp tục phát triển trên diện rộng không chỉ ở những vùng có nhiều đất, nhất là đất trống, đồi núi trọc, đất còn hoang hóa, mà phát triển ngay trên vùng đất ít bằng thâm dụng lao động, tăng cường đầu tư vốn và thâm dụng kỹ thuật như ĐBSCL, ĐBSH, song phát triển chưa mạnh, thiếu khởi sắc như sự hình thành và phát triển doanh nghiệp khu vực dân doanh với sự ban hành Luật doanh nghiệp và việc bãi bỏ cả trăm giấy phép con.

4. Những vấn đề cần phát huy và những vấn đề còn khó khăn ách tắc phải tháo gỡ tiếp để KTTT phát triển bền vững trong điều kiện cả vận hội và thách thức đều lớn. Phải chăng những khó khăn ách tắc là:

- Cùng cái khó chung của nông nghiệp, KTTT phải đối đầu với vấn đề tiêu thụ và giá cả nông sản vốn khó ngày càng khó hơn trong tương quan với giá hàng công nghiệp và dịch vụ cao và tăng.

- Chính sách giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, mặc dù đã được nghị quyết nêu rất cụ thể rõ ràng, nhưng thực hiện được vẫn ít và chậm. Đây là khó khăn chủ quan rất phi lý. Điều này gây khó khăn không nhỏ cho việc chuyển dịch quyền sử dụng đất và thể chấp tín dụng đối với trang trại.

- Thuế và các loại phí phù hợp với hiện trạng sản xuất kinh doanh của KTTT chưa ổn định, giá trị hàng hóa và lợi nhuận chưa nhiều, chậm được điều chỉnh.

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, vào giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo nghề, vào nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, cung cấp thông

tin, tư vấn kinh doanh, mặc dù nghị quyết có nhấn mạnh nhưng chuyển biến chậm.

- Chủ trại đa phần là nông dân, mới thoát ra từ sự thụ động của cơ chế bao cấp trong các hợp tác xã hiệu cũ và bước đầu làm chủ kinh tế nông hộ với dấu ấn nặng nề của kinh tế tự nhiên tự túc tự cấp nên nghiệp vụ và bản lĩnh kinh doanh rất bất cập trước yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa đặt mình trước thị trường. Do đó cần phải có sự hỗ trợ bồi dưỡng và đào tạo chủ trại. Điều này cũng được NQ 03/CP nhấn mạnh nhưng chuyển biến trên thực tế rất chậm gần như chưa có tổ chức nào đứng ra làm.

5. Xác định đúng trang trại và cấp giấy chứng nhận trang trại để KTTT được hưởng những ưu đãi của chính sách cũng còn có vấn đề đặt ra phải giải quyết.

Thông tư liên tịch số 69/2000TTLT/BNN - TCTK ngày 23.6.2000 của Bộ NN & PTNT và Tổng cục thống kê về hướng dẫn tiêu chí xác định KTTT đã tạo được sự thống nhất trên phạm vi cả nước về xác định KTTT làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách đối với KTTT.

Tuy nhiên, hệ thống tiêu chí đó có mặt chưa thích ứng với sự phát triển quá phong phú, đa dạng của KTTT. Do đó xác định KTTT theo hệ tiêu chí đó có mặt thiếu xác đáng. Đã được xác định là trang trại nhưng thiếu một văn bản pháp lý - giấy chứng nhận KTTT cũng khó cho việc thực hiện chính sách. Ai làm việc này và thủ tục, trình tự thực hiện ra sao thiết nghĩ cũng cần có quy định.

Những đơn cử trên đây và có thể còn hơn thế nữa, phải chăng đã và đang là những vấn đề cần phải giải quyết cho sự phát triển của KTTT. Mặc dù, không ít trang trại ở nhiều địa phương cùng các cơ quan quản lý nhà nước các cấp đã có cố gắng tháo gỡ, thúc đẩy được sự phát triển, nhưng nhìn chung trên bình diện KTTT VN thì những khó khăn trở ngại trên đây vẫn là vấn đề đặt ra trên thực tế cần phải có giải pháp thích hợp.

Với tinh thần khoa học và trách nhiệm cao đối với đời sống KTTT nói riêng và nông thôn nông nghiệp nói chung, chúng tôi mong và tin rằng Hội thảo chúng ta sẽ có được những tiếng nói chung, ý kiến hữu ích, có sức thuyết phục về những vấn đề đặt ra, chính sách và giải pháp cần hoàn thiện và đặc biệt phải được thực hiện trên thực tế cuộc sống ■

Báo cáo để dẫn hội thảo khoa học kinh tế các trường đại học năm 2001 về "Kinh tế trang trại sau 1 năm thực hiện NQ03/NQ-CP"